

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **403/2023/DS-ST**
Ngày 24 - 10 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 618/2023/TLST-DS ngày 27/7/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2023/QĐXXST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị L, sinh năm 1978. Tên gọi khác: Lâm Kim L.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng N.

Ông Nguyễn Việt Đ.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 09/9/2018 nguyên đơn có cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng, vào ngày 16/3/2019 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 30/3/2019 nguyên đơn tiếp tục cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng; các khoản vay lãi suất thoả thuận 5%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận do vợ chồng bị đơn viết biên nhận; tất cả các khoản vay vợ chồng bị đơn đến nay chưa có trả vốn, lãi có trả nhưng không đầy đủ được khoản 3.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng bị đơn có làm chủ hụi, nguyên đơn có tham gia chơi 02 dây hụi, loại 2.000.000 đồng, mỗi dây 01 chung, quá trình khui hụi thì đình hụi, vợ chồng bị đơn có chót nợ hụi nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, việc chót nợ có làm biên nhận do bà N viết.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng bị đơn có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 90.000.000 đồng.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay và nợ hui, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và nợ hui; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ tại các bút lục 01 đến 04, gồm: “*Biên nhận ngày 30/9/2019 – có tên và chữ ký của Nguyễn Hồng N; biên nhận ngày 09/9/2018 âm lịch – có tên và chữ ký của Nguyễn Việt Đ; biên nhận ngày 16/3/2019 âm lịch – có tên và chữ ký của Nguyễn Việt Đ; biên nhận – có tên và chữ ký của Nguyễn Hồng N*”. Qua xem xét các nội dung tại các biên nhận này và đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn thì xác định được thực tế vợ chồng bị đơn có vay của nguyên đơn 03 lần tiền mỗi lần 20.000.000 đồng và chót nợ tiền hui số tiền 30.000.000 đồng là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và văn bản tố tụng cho bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ vay và nợ hui 90.000.000 đồng chưa thanh toán.

[4.2] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay và nợ hui theo thỏa thuận giữa các bên và nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch của vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn tổng số tiền 90.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều

471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

[4.3] Đối với số tiền lãi, nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng được khoản 3.000.000 đồng. Xét thấy đã chứng minh được bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 60.000.000 đồng, về mặt thời gian nếu tính lãi theo quy định thì số tiền lãi cũng đã hơn số tiền 3.000.000 đồng. Các đương sự không có yêu cầu gì đối với phần tiền lãi trong vụ án, nên không có căn cứ để xem xét, do đó cần tách ra khi nào khác đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ vay và nợ hội nêu trên.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị L. Tên gọi khác: Lâm Kim L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Việt Đ có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị L tổng số tiền nợ hội và nợ vay là 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Việt Đ phải nộp là 4.500.000 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn bà Lâm Thị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 2.250.000 đồng theo biên lai thu số: 0007130 ngày 25/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải